

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TƯ PHÁP – CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT THÀNH PHỐ**

**TÌM HIỂU VỀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ
NGUYÊN TẮC PHÂN QUYỀN VÀ THỰC
HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC
PHÂN QUYỀN ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN
THÀNH PHỐ THEO QUY ĐỊNH CỦA
LUẬT
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**
(Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2026)



THÁNG 9 NĂM 2026

**PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH
(ĐIỀU 1)**

1. Luật Phát triển đô thị quy định cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển thành phố là đô thị loại đặc biệt (sau đây gọi là đô thị đặc biệt), thành phố khác và khu kinh tế đặc biệt.

2. Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố khác là đô thị đặc biệt (sau đây gọi là Thành phố) được áp dụng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị đặc biệt quy định tại Luật Phát triển đô thị. Thành phố Hà Nội thực hiện theo quy định tại Luật Thủ đô.

3. Thành phố không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này được áp dụng một số cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị đặc biệt quy định tại Luật Phát triển đô thị, trừ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 7, Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 16 và Mục 7 Chương II của Luật Phát triển đô thị.

4. Khu kinh tế đặc biệt được áp dụng cơ chế, chính sách phát triển khu kinh tế đặc biệt quy định tại Luật Phát triển đô thị. Tỉnh, thành phố nơi có khu kinh tế đặc biệt được thực hiện một số cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị đặc biệt

quy định tại Chương II của Luật Phát triển đô thị để áp dụng trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt, trừ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 7, Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 16 và Mục 7 Chương II của Luật Phát triển đô thị.

5. Chính phủ quy định phạm vi áp dụng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị đặc biệt cho các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này trong trường hợp có chủ trương của cấp có thẩm quyền, trên cơ sở phù hợp với điều kiện đặc thù, định hướng phát triển, năng lực thực thi của từng địa phương và tuân thủ các nguyên tắc quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều 3 của Luật Phát triển đô thị.



6. Trường hợp cần thí điểm cơ chế, chính sách khác hoặc chưa được quy định trong Luật Phát triển đô thị, văn bản quy phạm pháp luật khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản

4 Điều này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, Chính phủ ban hành nghị định sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền và được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**NGUYÊN TẮC PHÂN QUYỀN VÀ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN
HẠN ĐƯỢC PHÂN QUYỀN ĐỐI VỚI
CHÍNH QUYỀN THÀNH PHỐ
(ĐIỀU 3)**

Việc phân quyền cho chính quyền Thành phố và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền của chính quyền Thành phố quy định tại Luật Phát triển đô thị phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, không trái với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

2. Bảo đảm không phương hại đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, dân tộc, tôn giáo và lĩnh vực khác liên quan trực tiếp đến chủ quyền quốc gia;

3. Phân quyền triệt để, toàn diện và phân định rõ thẩm quyền của Hội đồng

nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật này, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp của Thành phố còn thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định khác của pháp luật có liên quan. Căn cứ tình hình thực tiễn, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có quyền phân cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp;

4. Bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân, công bằng xã hội, phát triển bền vững và giữ gìn bản sắc, giá trị văn hóa của Thành phố, vùng đô thị đặc biệt; không làm ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn tài chính quốc gia; tôn trọng các quy luật thị trường;

5. Bảo đảm việc vận hành nền hành chính quốc gia thống nhất, thông suốt, hiệu quả; bảo đảm thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, người đứng đầu gắn liền với cơ chế kiểm soát quyền lực và năng lực thực thi; tính công khai, minh

bạch, trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền; có cơ chế theo dõi, đánh giá, kiểm tra gắn với cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; kịp thời điều chỉnh nội dung phân quyền khi cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân quyền thực hiện không hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn được giao.



**THÁNG 9 NĂM 2026
SỞ TƯ PHÁP TP.HỒ CHÍ MINH**